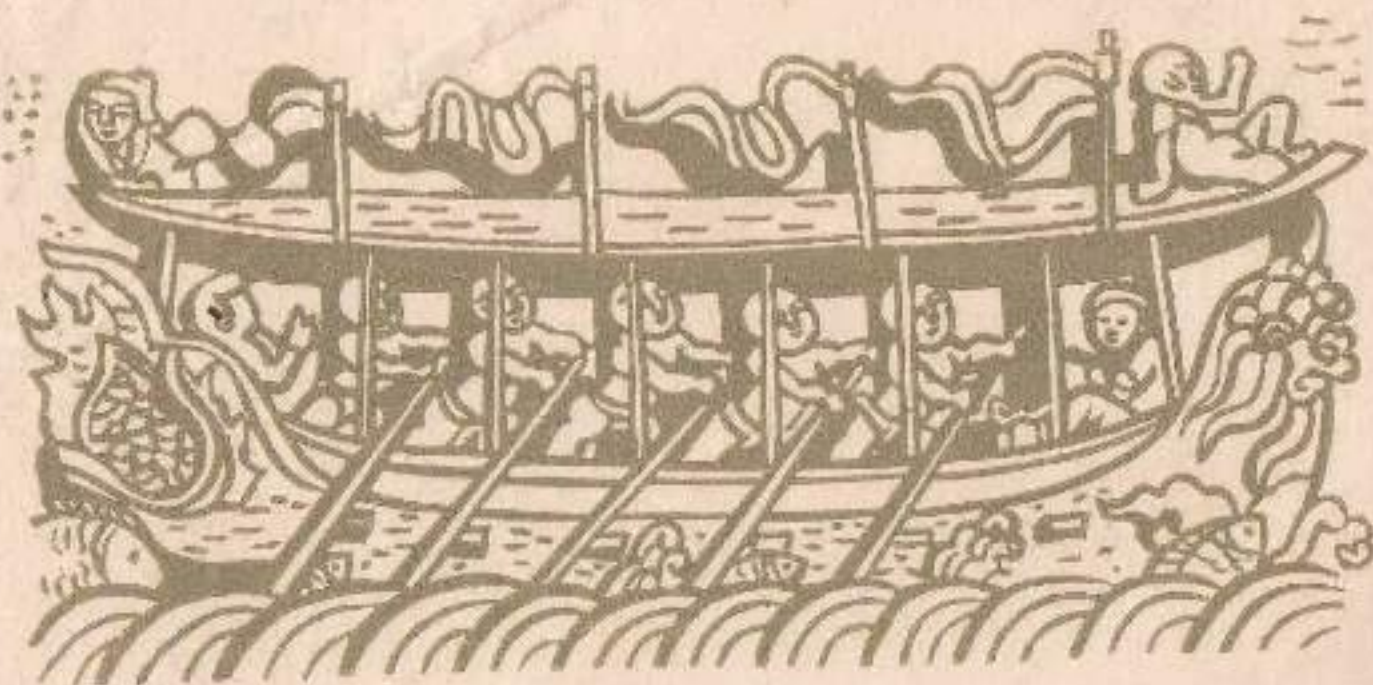


LÊ THI

chuyện hay sử cũ

thuongmaitruongxua.vn



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LÊ THI

5476

THƯ VIỆN

CHUYỆN HAY SỬ CŨ

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI 1973

KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN
ĐỘC LẬP, TỰ DO

LỜI HỒ CHÍ MINH

thuongmaitruongxua.vn

CẢ NHÀ ĐÁNH GIẶC

Bà Lê Thị Hoa sinh được bốn người con, đều là gái. Từ khi chồng mất, bà tần tảo, chịu thương chịu khó, ở vậy nuôi con cho đến khi cả bốn người con đều khôn lớn.

Nhưng dù năm mẹ con bà làm lụng vất vả, ngày đêm cực nhọc đến đâu cũng vẫn nghèo đói, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Cái họa Tô Định đô hộ nước ta hà khắc là thế. Bà Hoa căm giận lắm nhưng chẳng biết làm gì!

Một hôm, người con gái cả của bà nói:

— Mẹ ơi, Bà Trưng chiêu nạp binh quyền ở Mê-linh, đánh đuổi Tô Định, con đi theo Bà Trưng đây.

Rất hợp ý bà, bà Hoa ôm con gái vào lòng, bảo:

— Ừ, con đi đi! Ở nhà đã có mẹ.

Mấy hôm sau, người con gái thứ hai của bà nói:

— Mẹ ơi! Bà Trưng đánh đuổi Tô Định để khỏi phải vào rừng kiếm nọc ngà voi nữa, con theo Bà Trưng đây! Đi kiếm ngà voi khổ lắm, con theo Bà Trưng đây!

Bà Hoa xúc động ôm con gái vào lòng, nói:

— Ừ, con cứ đi! Các em con cũng lớn cả rồi.

Lại mấy hôm sau, bà đang dệt cửi thì người con gái thứ ba của bà từ cánh đồng hót hơ hót hải chạy về nói:

— Mẹ! Mẹ cho con đi theo Bà Trưng! Bà Trưng đang thắng to lắm. Chị con bảo thế.

Buông con thôi, bà Hoa ghi chặt mái tóc óng mượt của con mình vào ngực, nói:

— Thế à! Con bảo các chị con đánh giặc nữa vào. Thôi, con đi đi!

Và hôm nay, thật không ngờ, đứa con út của bà còn hay làm nũng làm nịu, bắt bà chải tóc, mặc áo cũng chạy đến bên khung cửi, ôm chập lấy bà đầu rúc rúc vào ngực bà, nó nói:

— Mẹ ơi! Đi theo Bà Trưng đánh quân Tô Định thích lắm, mẹ ạ. Con cũng đi đây.

Bà Hoa im lặng một lát, rồi đứng dậy:

— Ừ, con tôi biết nghĩ rồi! Mẹ vui lòng cho con đi. Nào đủ ng lên con! Mẹ chải tóc cho rồi hãy đi.

Đứa con gái út đã đi khỏi cổng, rồi đi đến gốc đa. Bà Hoa nhìn theo và đột nhiên bà gọi:

— Con ơi!

Đứa con gái bà quay lại, tay vẫy vẫy. Bà Hoa nói to:

— Đợi mẹ cùng đi với!

BÀ TRUNG

Vào năm 40, sau công nguyên.

Bà Trưng Trắc về làm dâu quan lạc tướng huyện Chu-diên được ít bữa. Một hôm, chồng bà là Thi Sách cùng với bà và gia nhân vào rừng săn hổ. Lúc đi đường, hai vợ chồng gặp rất nhiều toán dân chúng vác ngà voi, sừng tê giác và gánh những gánh nặng gạo, thịt đi cống nộp bốn quan cai trị nhà Hán là Tô Định. Đến một quãng rừng vắng, Thi Sách hỏi Bà Trưng:

— Con hồ, con báo ác lắm. Nhưng có biết con gì còn ác hơn không?

Bà Trưng dẫu nụ cười, nhìn về phía đồn trú quân của Tô Định mà nói:

— Biết chứ.

Thi Sách lại hỏi:

— Quân giặc làm tình làm tội, hà hiếp dân mình quá lắm. Tôi muốn dấy binh thì nghĩ thế nào?

Bà Trưng âu yếm nhìn chồng:

— Tôi cũng nom thấy quân giặc, lúc cướp của thì cướp sạch, lúc chém giết thì không phân biệt già trẻ trai gái. Tôi nghĩ: giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh. Nếu dấy binh, em gái tôi cũng làm.

Thi Sách ưng ý lắm và thích thú nói:

— Thế gian được vợ hồng chồng. Còn gia đình ta khác hẳn. Thật là phúc lớn.

Từ đó hai vợ chồng hiệp sức tổ chức lực lượng khởi nghĩa.

Một buổi sáng, đang trên bãi tập luyện quân thì có người phi ngựa về cấp báo: Thi Sách chồng bà bị viên thái thú Tô Định giết chết. Bà Trưng không sòn lòng, Bà lập đàn thề với trời đất quỷ thần rằng:

*« Một xin rửa nhục quốc thù
Hai xin đem lại nghiệp xưa vua Hùng
Ba kéo oan ức lòng chồng
Bốn xin vẹn vẹn sở công lệnh này ».*

Nhưng Bà Trưng không phát tang chồng, chỉ ra sức chiêu binh nạp mã.

Biết rõ tâm lòng của Bà Trưng, cả năm mẹ con bà Lê Thị Hoa xin nhập ngũ; một đội quân gồm ba trăm người già gái, do ông Cai làm đội trưởng đến tham gia. Đội quân của Trưng Trắc ngày càng đông, càng mạnh. Tháng 3 năm 40, Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị động binh tiến về xuôi, tấn công quân của Tô Định ở cửa sông Hát.

Tiếng reo hò của ba quân như sấm dậy trăm miền.

Dưới mũi kiếm trở của Bà Trưng, nghĩa quân tiến lên, khi thế ngất trời, sức mạnh trúc chẻ ngói tan. Tô Định bỏ thanh trì, ấn tín, cắt tóc cạo râu, lén trốn về Đông Hải. Quân ta thu phục « 65 huyện, thành ». Toàn bộ đất nước ta lại do dân tộc ta làm chủ.

Ngày lên ngôi vua, Bà Trưng quyết định phát tang chồng. Quần thần lúc này mới có người hỏi vì sao. Bà Trưng điềm đạm trả lời:

— Nếu trước lo quái hiệu (đề tang) thì ta e nhục khi ba quân có thể bị suy.

BÀI HỌC ĐÁNH GIẶC CỦA TIỀN NGÔ VƯƠNG

Vị tướng giỏi của họ Khúc là Dương Đình Nghệ vẫn nuôi chí giành độc lập dân tộc. Một lần, Dương Đình Nghệ đến thăm binh sĩ đang luyện tập, nhìn thấy một chàng trai cao lớn lực lưỡng đang vừa phi ngựa vừa bắn nỏ mười phát trúng cả mười. Khi con ngựa vừa vượt qua một bờ hào thì chàng trai đó đã nhảy phắt xuống và đứng tựa lưng vào vách núi mùa kiếm, đường kiếm bay vun vút như có hào quang rực rỡ tỏa quanh mình. Dương Đình Nghệ ngắm người lính của mình, lấy làm hài lòng. Dương Đình Nghệ đến gần chàng trai, hỏi:

— Tên nhà ngươi là gì?

Chàng trai thưa:

— Thưa tướng công, tôi là Ngô Quyền.

— Quả đúng là nhà ngươi rất giỏi binh quyền. Ta muốn biết, ngoài việc luyện tập nhà ngươi có đọc sách gì không?

— Thưa tướng công, sách của cha tôi để lại cũng không nhiều.

— Cha người là ai?

— Dạ, thưa tướng công, cha tôi tên là Ngô Mân làm châu mục dưới quyền của tướng công.

— Ông Ngô Mân, ta có biết. Nhưng... nhà người đã đọc sách gì?

— Dạ... tôi đọc... bằng mắt, lấy việc làm của cha tôi làm bài học...

— Việc đầu tiên nhà người đã học được là gì?

— Dạ, thưa tướng công, bài học đầu tiên của tôi là đánh đuổi quân Nam Hán, bởi vì mỗi lần cha tôi nghe tin người Chân-giao bị hành hạ thì người bỏ ăn, bỏ ngủ và tôi cũng học theo.

Dương Đình Nghệ gật đầu ưng ý lắm, liền gả con gái yêu cho Ngô Quyền. Trước ngày cưới, vị tướng họ Dương còn hỏi thử về việc binh để cất nhắc Ngô Quyền làm tướng lĩnh. Dương Đình Nghệ hỏi:

— Không biết cái việc của ba quân mà làm cái chính của ba quân như thế quốc chính thì quân sĩ sẽ ra sao?

Ngô Quyền không một chút bối rối:

— Dạ, thưa tướng công! Điều này, sách binh thư của Tôn Tử, đã nói ở thiên ba, thiên mưu công đó: « không biết cái việc của ba quân mà làm cái chính của ba quân như thế quốc chính thì quân sĩ sinh hoặc. Cho nên đáng nhân nghĩa mà dùng biến trá thì nước tất nguy; đáng biến trá mà chuộng lễ nghĩa thì binh tất bại. Giặc chống ta giết, giặc hàng ta nuôi vậy ». (1)

Dương Đình Nghệ gật đầu, im lặng và nhìn vào Ngô Quyền hồi lâu lại hỏi:

(1) Ý nói của Tôn Tử là: giữa đường lối trị nước và đường lối trị quân là hai đường lối khác nhau, không thể đưa cái nọ mà thay vào cái kia được.

— Lúc vào trận, địch đông ta vắng thì làm thế nào?

Một lần nữa Ngô Quyền đứng dậy kính cẩn trả lời:

— Thưa tướng công, lúc ấy ta phải tránh ở chỗ bằng, đồn ở chỗ nghẽn. Nếu là tướng giỏi, lấy một thắng mười thì đầu bằng chỗ nghẽn; lấy mười thắng trăm thì đầu bằng chỗ hiểm; lấy trăm thắng nghìn thì đầu bằng chỗ ngãng. Cho nên Ngô Khởi nói: Dùng quân đông chuộng chỗ dễ, dùng quân ít chuộng chỗ hiểm, là như vậy.

Nét mặt tươi vui hẳn lên, Dương Đình Nghệ sung sướng cầm lấy tay Ngô Quyền:

— Ta sẽ giao cho con cầm quyền binh.

Quả nhiên Ngô Quyền xuất quân là thắng trận. Chỉ trong vòng một đêm hạ thành Đại-la, giết chết tên bán nước Kiều Công Tiễn.

Khi quân Nam Hán còn đang ngấp nghé ngoài bờ cõi, Ngô Quyền hạ lệnh cho toàn thể quân dân ta dẫn gỗ, đào cọc, đầu bịt sắt nhọn. Các tướng lĩnh chung quanh có người hỏi: « Làm thế để làm gì? »

Ngô Quyền trả lời:

— Khi quân Nam Hán dám láo xược xâm phạm nước non ta thì khắc biết.

Rồi ngầm sai quân đóng cọc sắt đầy phía cửa sông Bạch-đăng, bắt giặc đi vào chỗ nghẽn. Tên tướng trẻ kiêu ngạo Nam Hán là Hoảng Thao mắc mưu, thúc thủy binh ồ ạt kéo vào. Chỉ một sớm một chiều thuyền địch đâm phải cọc nhọn, bị vỡ nát tan tành. Hoảng Thao cũng bỏ mạng tại đây.

Chiến thắng Bạch-đăng, một đòn chết tươi, đập nát âm mưu xâm lược nước ta của nhà Nam Hán.

TA MUỐN CƯỜI CON GIÓ MẠNH

*« Ru con con ngủ cho lành
Để mẹ gánh nước rửa bánh con voi
Muốn coi lên núi mà coi*

Coi Bà Triệu cười voi bánh vàng ! »

Câu ca dao từ thế kỷ thứ III còn vang vọng mãi trong thôn xóm Việt Nam cho đến ngày nay; các bà mẹ vẫn ru con với lời ca dao ấy.

Và hết thế hệ này đến thế hệ khác, những em bé mới sinh lại nằm nghe mẹ kể:

« Giữa năm 248, Ngô Tôn Quyền một tên vua độc ác độc só của thái thú quận Giao-chỉ tên là Tiết Tông. Tờ só viết: « Giao-chỉ... đất rộng, người nhiều, hiểm trở, độc hại, dân xứ ấy rất dễ làm loạn, rất khó cai trị ». Và hẳn biết thêm rằng cuộc khởi nghĩa lớn tiêu biểu nhất của phong trào cứu nước của dân ta do Bà Triệu khởi xướng chống lại quân Ngô đang ngấm ngấm hoạt động, mài gươm, luyện võ, trên đỉnh núi Nưa, (Triệu-sơn, Thanh-hóa).

Ngô Tôn Quyền rất lo; một mặt hấn tăng cường các đội quân đàn áp phong trào và ra sức vơ vét của cải

của dân ta; mặt khác ngấm sai người đi dò la tin tức, lại phải mấy tên đến tìm gặp Bà Triệu hùng lung lạc ý chỉ quật khởi của Bà.

Biết được kế giặc, Bà Triệu thuận lời cho chúng gặp. Từ trên đỉnh núi xuống, Bà cười voi không bánh, dặng hỏi mấy tên kia:

— Các người muốn nói gì?

Một tên có cặp mắt tráo trâng, lấp bắp thưa:

— Dạ, thưa nữ tướng, chúng tôi nghe thiên triều nhà Ngô có ý muốn cho hai dân cùng hưởng thái bình, no đủ.

Bà Triệu cả cười, không đáp.

Một tên khác thưa tiếp:

— Dạ, thưa nữ tướng! Nếu thiên tử Ngô Tôn Quyền mong mỏi ở hai nhà hiền hảo thì sao?

Bà Triệu chỉ thẳng mũi kiếm vào bộ mặt lì lợm của chúng mà nói:

— *Bảo cho mà biết! Ta chỉ muốn cười con gió mạnh, đập lương sông đừ, chém cả kinh ở biển Đông, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ đâu chịu khom lưng làm ti thiếp cho người!*

TÀI BẮN NỎ CỦA BÀ TRIỆU

Đầu xuân 248.

Tiết trời ấm áp, cảnh vật vui tươi. Trong các lùm cây xanh chim hót riu ran, ngoài sông ngòi cá bơi tung tẫy. Khắp nước non hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân thơm ngát mùi cỏ xuân.

Trên bãi cỏ dài mấy dặm dưới chân núi Nưa, hội thi bắn nỏ của nghĩa quân Triệu Quốc Đạt đang nhộn nhịp, tưng bừng.

Nghìn tiếng trống khua vang, trăm lá cờ bay rợp đất. Giữa tiếng reo hò dội vào vách núi, các nghĩa quân đầu chít khăn đỏ, rần rỏi bước vào trường bắn. Người được 50 điểm là hạng ưu, 40 điểm là hạng thứ, 20 điểm là hạng bình, được thưởng. Ai không đủ 20 điểm thì phải phạt.

Cuộc thi đang giữa lúc sôi nổi thì có một người con gái rất trẻ, khoảng 20 tuổi, khỏe mạnh và đẹp, tóc cài trâm vàng, chân đi guốc ngà, cười vui đi tới. Nghĩa quân nhận ra là nữ tướng họ Triệu; họ reo vang lên:

— Triệu Trinh nương! Triệu Trinh nương!

Nữ tướng họ Triệu tươi cười đáp lễ, rồi nhanh nhẹn bước lên một quả gò cao, hỏi:

— Nhân buổi lập xuân, ai sẽ thi bắn cùng tôi?

Lập tức hàng trăm cánh tay bắn giễu giơ cao, nhận lời thách.

Một hồi trống rung lên như sấm.

Các tay lần lượt vào bắn. Những mũi tên đồng vun vút, vun vút lao đi. Những lá cờ đỏ báo điểm lời tấp phất lên. Mọi người có mặt trên trường bắn hồi hộp chờ xem nữ tướng. Thủ lĩnh Triệu Quốc Đạt, anh giai nữ tướng cũng dự hội, bồn chồn lộ trên nét mặt. Nhưng Triệu Thị Trinh vẫn lăm lăm cười.

Đến lượt Triệu Thị Trinh.

Lại một hồi trống rung lên như sấm.

Triệu Thị Trinh thoăn thoắt bước vào trường bắn và vẫn giữ vẻ khoan thai.

Người giữ việc trường thi lệnh trọng trao cho nữ tướng một nỏ và ba mũi tên đồng. Nữ tướng xua tay, nói:

— Không, tôi muốn bắn đủ mười cơ!

Mặc dầu luật lệ của trường thi, mỗi người chỉ bắn ba tên, nữ tướng đòi thêm bảy mũi tên nữa.

Mọi người chăm chú theo dõi. Cánh tay tròn lẳn của Triệu Thị Trinh nhẹ nhàng kéo dây nỏ. Cánh nỏ uốn cong như một con đại bàng đang dòn sức bật để bay lên bầu trời xanh. Đột nhiên, mọi người nghe tiếng Triệu Thị Trinh:

— Hãy coi đây!

Câu nói vừa dứt, mũi tên đã lao vút. Trống điểm dồn, cờ hiệu tít tít: 50 điểm! Mũi tên cắm pháp giữa hồng tâm. Mũi tên thứ hai bay vút, tiếp mũi tên thứ ba... Cả mười mũi tên bay ra đều cắm giữa hồng tâm. Mười

mũi tên cắm chum như một đài hoa mười cánh xòe ra, tươi đỏ mừng xuân.

Các nghĩa quân vui thích reo hò. Tiếng reo hò dội vào vách núi lan ra không ngớt. Một đám nghĩa quân chạy lại vây quanh lấy nữ tướng, hoan hỉ chào mừng. Một người trong đám mạnh bạo hỏi:

— Xin nữ tướng chỉ bảo cho làm thế nào để có tài bắn nỏ được như vậy?

Nữ tướng Triệu Thị Trinh nhìn vào người hỏi mà đáp:

— Tài cán gì đâu! Đây là cái tri ở đầu, cái luyện ở tay hợp lại, ai làm cũng được.

THẾ NÀO MỚI LÀ ĐỦ

Năm 1282. Quân ta chuẩn bị sẵn sàng một sống một chết chống lại đế quốc Nguyên—Mông xâm lược đất nước lần thứ hai. Khi thế đánh giặc dâng lên như ngọn thủy triều mạnh mẽ. Các chiến sỹ Trần Hưng Đạo đã thích vào cánh tay hai chữ « Sát Thát » để ra trận; còn các tướng quân của nhà Trần cũng đã được sắp đặt chu đáo để đối chọi với các tướng lĩnh quân Nguyên—Mông. Trần Hưng Đạo đuổi sứ thần của nhà Nguyên. Cả ngay khi vua Trần hỏi năm nay đánh giặc thế nào, Trần Hưng Đạo đã cứng cỏi đáp: « Năm nay đánh giặc nhàn ».

Tuy vậy vua Trần vẫn còn lo lắng, đến hỏi Trần Hưng Đạo:

— Nước có thể hiềm; đủ để đánh giặc chưa?

Trần Hưng Đạo thưa: — Chưa đủ.

Lại hỏi:

— Binh khí nhiều, lương nhiều; đủ thắng giặc chưa?

Trần Hưng Đạo lại thưa: — Chưa đủ.

— Tướng giỏi, quân đông; đủ để thắng giặc chưa?

— Thưa: Chưa đủ.

Vua Trần đòi sắc mặt, hỏi:

— Ta hỏi ông ba điều, có ba điều ấy mà chưa đủ. Vậy thế nào mới cho là đủ?

Trần Hưng Đạo đã có dụng ý, nói:

— Thế hiểm như nước của vua Trụ nhà Ân mà vẫn bị Vũ vương diệt. Binh khí, lương nhiều như nhà Hán mà chẳng đả nát thịt tan xương vì một tiếng sáo trên sông Ô đò sao! Tướng giỏi, quân nhiều ai bằng Bồ Kiên nước Tần mà cuối cùng thua trận. Tội trộm nghĩ: nước là nước chung của cả mọi người, đánh giặc giữ nước không phải là chuyện riêng của một ai. Tội nghe: « Ý dân là ý trời ». Xin nhà vua dựa hẳn vào dân thì đánh trận mười phần chắc thắng.

Trần Nhân Tông nghe nói cho là phải, liền thưa với vua cha và quyết định mở hội nghị Diên Hồng, mời các bô lão thay mặt nhân dân khắp các vùng về kinh đô bàn cách chống quân Nguyên. Khi thế đánh giặc trên nước đang lên khắp nơi chưa từng thấy trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta.

QUỐC CÔNG TẮM CHO THƯỢNG TƯỚNG

Đời nhà Trần, Trần Hưng Đạo và Trần Quang Khải cũng là trụ cột bậc nhất của triều đình. Một người là Quốc công tiết chế nắm quyền quân sự, một người là tướng quốc nắm quyền chính trị. Giữa hai người có chuyện bất hòa; nhiều khi tuy cùng đi với nhau một xe, ngồi với nhau một tiệc, mà vẫn không cởi mở, đàm đạo thân thiết.

Trần Hưng Đạo nghĩ về việc này rất lung; cho là chuyện chẳng lành, nếu không mau mau tìm cách làm cho hòa hợp thì kẻ thù sẽ lợi dụng, tương sĩ trong ngoài trông vào gương xấu.

Đã nhiều lần Trần Hưng Đạo muốn mời Trần Quang Khải xuống thuyền mình mà không có dịp. Hôm ấy, Trần Hưng Đạo từ Vạn-kiếp về kinh đô họp bàn việc chống quân Nguyên đang nhắm nhe xâm lược nước ta lần thứ hai. Khi bàn việc xong, Trần Hưng Đạo chủ động đến mời Trần Quang Khải xuống thuyền mình đã đợi sẵn ở bến sông Hồng.

Tiệc rượu thịnh soạn, lòng dạ cởi mở, nét mặt hân hoan, bỏ cả mọi lễ nghi cách bức, Trần Hưng Đạo đón mời Trần Quang Khải cùng thắp cảnh, ngâm thơ. Khi thấy Trần Quang Khải đã chan hòa, Trần Hưng Đạo mới nói đùa đề thử:

— Chẳng mấy khi được tắm rửa cho thượng tướng, thượng tướng vui lòng không?

Trần Quang Khải vốn sợ nước, nên lười tắm, nhưng biết bụng tốt của Trần Hưng Đạo nên đùa lại:

— Thật a! Cũng chẳng mấy khi được Quốc công tắm cho thì còn gì bằng.

Trần Hưng Đạo liền sai quân sĩ đun nước nóng bỏ trầm hương cho thơm, rồi tự tay cởi áo Trần Quang Khải, vừa dội nước vừa trò chuyện vui vẻ.

Khi Trần Quang Khải mặc xong quần áo, Trần Hưng Đạo lại nói:

— Thượng tướng có thấy nhẹ mình không?

Trần Quang Khải hiểu ý và rất xúc động liền chạy ngay lại, nắm chặt tay Trần Hưng Đạo, nói:

— Nhẹ mình lắm! Nhẹ mình lắm! Thật là « vì nước » mới được thế này.

Từ đó hai người tuyệt nhiên không chút ngờ vực nhau, chỉ cùng nhau một lòng đánh giặc, yên dân, trị nước,

NẾU ĐÁNH GIẶC, THÌ TÔI CÒN ĐỦ SỨC

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư là tướng giỏi và có công trong cuộc chiến đấu chống quân Nguyên xâm lược nước ta lần thứ nhất. Sau vì phạm lỗi nên ông bị cách chức, làm người dân thường.

Bỏ kinh kỳ, Trần Khánh Dư về quê ở Chi-linh làm nghề bán than.

Một buổi sáng (tháng 11 năm 1282) vua Trần Nhân Tông đáp thuyền theo dòng sông Đuống đến Bình-than để họp bàn kế hoạch chống giặc Nguyên xâm lược nước ta lần thứ hai. Thuyền vua đang đi, thì thấy một người ăn mặc tiêu tụy, mình khoác áo ngắn bằng vải gai, đầu đội nón rách, đang gò lưng chèo chiếc thuyền than trên sông. Nhận ra Trần Khánh Dư, vua Trần hỏi Trần Hưng Đạo:

— Nhân Huệ vương còn dùng được không?

Trần Hưng Đạo nói:

— Về mặt Hải-đồng, thủy binh ta còn hơi yếu. Có ông ta về, nay mai phải đương đầu với thủy sư nhà Nguyên Trương Văn Hồ, có thể giao phó cho ông ta được. Xin bệ hạ khích lệ cho.

Vua Trần liền cho thuyền nhẹ rượt theo Trần Khánh Dư, gọi lại.

Dư cho thuyền quay lại. Vừa tới gần, vua Trần tươi cười hỏi:

— Nhân Huệ vương phải không?

Không muốn quay về sống cuộc đời ở kinh kỳ nữa, Trần Khánh Dư đáp:

— Tôi chỉ là ông lão bán than thôi.

Nhà vua lại vồn vã, bảo:

— Đừng dẫu ta nữa, kẻ nam nhi lỡ bước khốn khổ đến thế ư?

Trần Khánh Dư không nói gì. Nhà vua lại ân cần hỏi:

— Có còn sức đánh giặc nữa không?

Nghe nói đến đánh giặc, Trần Khánh Dư đổi sắc mặt, cặp mắt linh lợi hẳn lên, lại nhận ra Trần Hưng Đạo ngồi trong thuyền đang nhìn mình bằng cặp mắt võ vè. Trần Khánh Dư háng hai trả lời:

— Tàu bè hạ, nếu đánh giặc thì tôi còn dư sức.

Vua Trần vui vẻ gật đầu, rồi cởi tấm áo bào đang mặc trao cho Trần Khánh Dư và dẫn ông đi đến Bình-
than.

GIÁO DÂM KHÔNG BIẾT ĐAU

Một hôm, Trần Hưng Đạo cùng với quan quân đi công du từ Vạn-kiếp về kinh đô, qua vùng Phù-Ứng để chọn tướng chiêu quân, chuẩn bị lực lượng chống quân Nguyên xâm lược nước ta.

Có chàng trai khoảng 20 tuổi, áo nâu khăn vải, gương mặt khôi ngô, coi bộ không biết chút gì đến chuyện Trần Hưng Đạo sắp đi qua. vì vậy cứ điềm tĩnh ngồi ngay giữa đường cái quan mà đan sọt.

Mấy lính vác giáo đi đầu xập đến, quát:

— Anh kia! Không nghe không thấy gì hả?

Chàng trai chẳng nói chẳng rằng, ngừng nhìn toán lính rồi lại lẳng lặng cúi xuống đan; nhưng trong bụng thì nghĩ: « Sao tôi lại không nghe, không thấy Đại vương? Tôi còn thấy cả quyết tâm chống giặc Nguyên của Đại vương kia; chứ Đại vương đâu như tên khốn nạn Trần Ích Tắc chưa thấy giặc đã sợ run cây sậy! »

Lại một tiếng quát:

— Không tránh ra hả?

Chàng trai vẫn im lặng, mà bụng còn ấm ức: «Tôi
tòng quân ba lần, Trần Ích Tắc đều gạt đi, lại còn đuổi
tôi ra khỏi đất phong của hân ».

— Phập!

Một mũi giáo nóng nẩy xĩa vào đùi chàng trai, máu
chảy đầm đìa. Không mấy may đề mắt tới, chàng trai
vẫn cặm cùi đan.

Linh vội lui lại tàu. Trần Hưng Đạo lấy làm lạ, liền
xuống voi và cho vòì chàng trai đến gặp. Đó là Phạm
Ngũ Lão.

Trần Hưng Đạo hỏi:

— Giáo đâm không biết đau là có gì?

Chàng trai thưa:

— Kể tiện dân trộm nghĩ: nổi đau mất nước, liệu có
gì sánh được.

Biết là người có tài khí, Trần Hưng Đạo lại biết chuyện
tòng quân của Phạm Ngũ Lão nên rất ưa thích, liền cho
triệu về kinh, rồi tiến cử làm tướng quân và còn gả con
gái nuôi cho.

Sau này, trong cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng chống
quân Nguyên, Phạm Ngũ Lão trở thành tướng giỏi, có
tài chỉ huy lại có đức độ, được quân sĩ yêu quý như
cha con và cùng ông lập nhiều chiến công rực rỡ.

MỘT CHÀNG TRAI THẾ KỶ XIII

1— Chàng trai và người cha.

Chàng trai: — Con đi giết giặc đây, bố ạ!

Người cha: — Mẹ con mất sớm, bố thì tàn tật không
làm gì được.

C.T.: — Bố ơi! Nước mất thì nhà tan...

N.C.: — Ay, cha cũng nghĩ đến chuyện đó. Thôi, con
cứ đi!

2— Chàng trai và nhà vua.

Nhà vua: — Trẫm cho người nhận lấy một loại
bình khí.

Chàng trai: — Tôi chỉ xin một chiếc dùi sắt.

N.V.: — Để làm gì?

C.T.: — Để dùi thủng chiến thuyền của giặc vì tôi
có thể lặn hàng giờ dưới nước.

N.V.: — Người dân thường mà phi thường. Trẫm
muốn biết: ai dạy người?

C.T.: — Dạ, tàu bè hạ, người đó là cha tôi.

N.V.: — Ai dạy cha người?

C.T.: — Ông tôi.

N.V.: — Ai dạy ông người?

C.T.: — Vì căm thù quân giặc mà ông tôi tự học lấy.

3— *Chàng trai và tướng giặc.*

Tướng giặc: — Mi là ai?

Chàng trai: — Ta là Yết Kiêu, một gia tướng của Trần Hưng Đạo.

T.G.: Mi đực thủng mấy chục chiến thuyền của ta, phải không?

C.T.: — Phải.

T.G.: — Phải là thế nào?

C.T.: — Phải là lẽ phải thế.

T.G. — Á à, thằng này lão l quân đầu lỏi nó ra chém đầu.

C.T. — Một việc làm vô ích. Chiến thuyền của người vẫn đắm!

T.G. — Nay, ta hỏi thật, nước Nam có nhiều người lặn giỏi như mi không?

C.T. — Nhiều không đếm xuể. Ta là loại kém nhất, nên lặn không khéo, mới bị bắt.

T.G. — Mi dẫn ta đi bắt bọn đó, được chứ?

C.T. — Được. Cởi trói ra.

T.G. — Bắt lấy Yết Kiêu! Bắt lấy Yết Kiêu! Bắt lấy! ... Thôi chết rồi! Đường thủy ta không dùng được nữa rồi!

TIẾNG QUÁT CỦA TRẦN BÌNH TRỌNG

Trần Bình Trọng là một tướng tài thời Trần. Khi quân nhà Nguyên cất đại binh ồ ạt đánh chiếm nước ta, Trần Bình Trọng được vua Trần cử giữ cửa thành phía đông của kinh đô. Lơ lửng lúc giặc sơ hở, Trần Bình Trọng định giết chết tên tướng Thoát Hoan, nhưng giết hụt. Thoát Hoan thề rằng nếu bắt sống được kẻ đã đón bắn hắn, hắn sẽ băm vằm làm trăm mảnh, còn cắt đầu cắm cọc bêu giữa phố.

Trong trận Thê-mạc, làm nhiệm vụ cản đường quân giặc để cứu vua Trần thì Trần Bình Trọng bị giặc bắt. Nhớ lời thề của Thoát Hoan, Lý Hằng đem Trần Bình Trọng dâng chủ tướng. Nhưng Thoát Hoan lại hết sức căm phục hành động dũng cảm của con người đã ngã ngựa còn chống gươm đứng dậy giết chết mấy kẻ địch nữa rồi mới bị chúng bắt. Thoát Hoan có ý muốn thu phục Trần Bình Trọng. Hoan sai người đến hầu hạ thì Trần Bình Trọng đuổi đi; Hoan sai bày tiệc lớn, ông hất dõ không thêm ăn. Chỉ một mực tìm cách trốn. Biết không mua chuộc nổi người võ tướng cương trực của nhà Trần, chúng đành phải đưa ông ra xử chém.

Trước lúc xử chém, Thoát Hoan thân đến tận nơi giam giữ Trần Bình Trọng và dùng lời lẽ ngọt ngào, hy vọng còn mua chuộc được ông.

Thoát Hoan nói:

— Người làm tướng giỏi như ông hẳn phải biết lúc cứng, lúc mềm.

Trần Bình Trọng nói:

— Ta biết rõ ta và ta biết rõ nhà ngươi.

Thoát Hoan nói:

— Há đã nghĩ, đã biết rồi mà không định liệu thời thế hay sao?

Trần Bình Trọng im lặng.

Thoát Hoan tưởng rằng Trần Bình Trọng đã có phần nản chí, hẳn nói:

— Tướng quân có biết vua Trần ray trốn ở đâu không?

Vẫn trơ trơ như một khối đá lớn, Trần Bình Trọng không thêm đáp nửa lời. Nhưng Thoát Hoan vẫn nghĩ lầm về Trần Bình Trọng, hẳn lại dùng lời ve vãn:

— Tướng quân có muốn làm vương đất Bắc không?

Một tiếng quát lớn, làm giặc giật nảy mình:

— Phương chó chết! Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc! Tao đã bị bắt thì chỉ có chết mà thôi.

Lưỡi gươm tàn bạo của quân Nguyên đã chém rung đầu Trần Bình Trọng mà cả người ông vẫn như một trái núi đứng sừng sững hồi lâu không chịu ngã xuống.

HÀO KIỆT KHÔNG BAO GIỜ THIẾU

Kinh thành Thăng-long và cả các vùng thôn quê trên khắp đất nước ta, vào những năm 1414 — 1417 sống trong những chuỗi ngày vô cùng ảm đạm. Sau khi đánh lừa với những lời lẽ ngọt ngào, tử tế, quân Minh đã diệt nhà Hồ, diệt luôn cả con cháu nhà Trần, lại dùng Thăng-long làm thủ phủ để đặt ách thống trị nước ta.

Quân Minh có thâm ý thu phục nước ta từ gốc rễ. Chúng thu hết sách vở của ta, bắt dân ta đổi cả cách ăn mặc, lại dùng những tay hay chữ đem « ngũ kinh », « tứ thư » bắt thanh niên ta học. Trong một trường ở Thăng-long lúc bấy giờ, có tượng thư Minh là Hoàng Phúc giảng sách.

Một đêm mưa to gió lớn, sấm sét đùng đùng, nhiều nhà cửa, cây cối bị đổ. Sáng ra, Phúc đến trường. Hẳn ông khẫu ra cho học trò một vế câu đối:

« Nhà nhà đồ sụp vách tường xưa »

Đọc xong, hẳn tùm tùm cười hiềm học và đòi học trò phải ứng đối được ngay. Thật không ngờ cho hẳn, trong đám học trò áo the, khăn xếp, đi đứng giữ lễ cung kính kia lại có một chàng sinh đồ trẻ tuổi nhất, hàng ngày

It nói nhất, bảy giờ đứng ngay đây xin đối. Hoàng Phúc gập đầu cho đối. Cậu sinh đồ cất tiếng sang sảng đọc:

« Chôn chôn mọc lên cây cỏ mới »

Về chữ nghĩa đối đã chọi nhau chan chát, nhưng về nội dung thì câu đối làm Hoàng Phúc hoảng hồn, tái mặt. Nếu như trận gió của hoàng đế nhà Minh thổi đến làm tường vách nước Đại-việt đổ sụp thì khắp nước non ta đâu đâu cũng có cây cỏ mới mọc vọt lên. Giữa hang hùm, ổ cáo mà đối đáp như thế, thật đáng gọi là người can đảm lắm.

Quả nhiên lời tiên đoán của cậu sinh đồ này đã nói đúng. Chỉ mấy năm sau, một người tên là Lê Lợi và một người tên là Nguyễn Trãi đứng ra dựng cờ tự nghĩa ở Lam-sơn, rồi tiến hành cuộc chiến đấu vô cùng anh dũng suốt mười năm đã tiêu diệt quân Minh. Và trong trận Xương-giang quân ta bắt Hoàng Phúc bỏ cũi.

Lại ở kinh thành Thăng-long, cũng một ngọn đèn khuya thấp sáng với một niềm xúc động đặc sắc, Nguyễn Trãi viết: *« Bình Ngô đại cáo »* vang dội:

*« Như nước Đại-việt ta từ trước,
Vốn xưng nền Văn hiến đã lâu.
Cội bờ sông núi đã riêng,
Phong tục Bắc, Nam cũng khác.
Trải... Đinh, Lý, Trần nối đời dựng nước,
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên đều chủ một
phương.
Tuy mạnh, yếu có lúc khác nhau,
Mà hào kiệt không bao giờ thiếu ».*

NGƯỜI CON ĐẠI HIẾU

Được tin cha bị giặc bắt, Nguyễn Trãi cùng người em tên là Nguyễn Phi Hùng đến chỗ quân Minh giam giữ tù binh để tìm cha. Hai anh em khăn gói vội vã theo đoàn xe tù lên ải Nam-quan, lòng buồn đặng đặc. Lúc tới nơi, vào gặp cha, anh em nghẹn ngào khóc. Nguyễn Phi Khanh nhìn hai con, xúc động mãi mới nói ra lời:

— Các con thương cha nhiều phải không?

— Dạ! Cả hai anh em càng khóc thảm thiết.

Nguyễn Phi Khanh cũng lặng đi trước cảnh nước mắt, nhà tan đau đớn, lại biết được ý nghĩ của Nguyễn Trãi đi chuyến này là để hầu hạ cha trong lúc bị cầm tù, sẽ không trở về Tổ quốc nữa. Hình ảnh cậu bé Nguyễn Trãi chăm học, thông minh và có chí, cừ lớn vốn trong đầu ông; ông rất tin Nguyễn Trãi có thể làm nên nghiệp lớn. Nhưng lúc này Nguyễn Trãi đã nghĩ lầm về chữ hiếu. Nguyễn Phi Khanh gọi hai con đến gần, rồi đưa cả hai tay đang bị xiềng trở xuống dòng sông trước mặt, nói:

— Nước sông đục lắm phải không các con?

— Dạ, thưa cha! Đau lòng lắm! Nguyễn Trãi thưa.

— Phải! Con nói chi phải: đau lòng lắm! Nói rồi, ông quay vào Nguyễn Trãi, ân cần bảo:

— Con là người có học, có tài, nên tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha. Như thế mới là đại hiếu. Còn như khóc lóc như đàn bà liệu có ích gì?

Nghe lời « giáo huấn » cuối cùng của cha, ngay đêm đó Nguyễn Trãi quay về nước. Trên con đường « rửa nhục cho nước, trả thù cho cha » Nguyễn Trãi đã tìm về Lam-sơn tụ nghĩa, cùng với Lê Lợi dấy binh, quét sạch quân Minh, dẹp yên bờ cõi.

Năm trăm năm sau, trong bài diễn văn kỷ niệm ngày sinh Nguyễn Trãi, thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: « Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi sống dậy, lớn lên và hướng tới chúng ta. »

TÀI ĐÁNH GIẶC CỦA BÀ HÀNG NƯỚC

Đó là câu chuyện về bà hàng nước họ Lương đánh giặc Minh. Bà Lương có ba người con trai, cả ba người đều theo quân khởi nghĩa Lam-sơn. Hôm ấy, người con trai út lên đường:

Thưa mẹ, con theo các anh con đánh giặc Minh đây.

Bà Lương cầm tay con, nói:

— Con đi đánh giặc, ở nhà tuy tay yếu chân mềm mẹ cũng đánh giặc.

Người con trai sửng sốt:

— Vậy à mẹ! Mẹ đánh bằng gì?

Bà Lương giờ một mẫu sợi gai lên, nói:

— Mẹ đánh giặc bằng cái này thôi.

Người con trai đi rồi, bà Lương ở lại nhà, hàng ngày vẫn ra mở quán nước ở ven đường, gần thành Cổ-lộng (Nam-hà). Quán nước của bà là nơi bọn giặc hay vào đây trọ qua đêm. Bà Lương đã xem xét tình hình lúc bọn giặc ngủ, chúng thường chui vào những bao gai để chống muỗi và chống rét. Quả là ở quán nước của bà, muỗi nhiều vô kể. Bà Lương nghĩ ra một cách. Bà liền

lạc với nghĩa quân cho người đến bố trí vây quanh quán nước. Đêm đêm đợi lúc chúng ngủ say, bà dùng sợi dây gai buộc từng các đầu bao lại.

Thế là quân ta cứ việc xông vào, vác các bao gai mà quăng xuống sông. Quân Minh chết sặc dưới nước, đêm nào cũng có.

Nhà Văn Lê Tung ở thế kỷ XV, đã ca ngợi người nữ anh hùng ấy :

« Vì đại thay người đàn bà giỏi
Chỉ khi mạnh ngang vạn quân,
...Cầm bút chép sử nước Việt,
Bà ngang tiếng với vua Trưng Vương.
Miếu đền hưởng lễ,
Tiếng tăm truyền lại nghìn đời ».

CÒN GIẶC, TÔI CÒN ĐI ĐEP GIẶC

Câu chuyện xảy ra vào khoảng thời gian trước trận Chi-lăng. Buổi chiều, trong doanh trại nghĩa quân Lê Lợi, viên quản trưởng Lê Hưng có người vợ đến thăm.

Viên quản trưởng. — Bà tìm cách chi mà đến đây thăm tôi được. Tài giỏi quá!

Người vợ. — Tôi theo các con cháu đi chuyển vận lương thực và binh khí cho các ông. Lúc đi đường, hỏi thăm ra.

Viên quản trưởng. — Bà đã đến đây... nhưng... thôi được rồi, bà ở đây ăn cơm với tôi một bữa. Tôi nói thiệt « quân lệnh như sơn ». Chúng tôi đang sửa soạn binh khí đánh một trận to lắm.

Người vợ. — Ông già rồi! Đầu hai thừ tóc rồi mà còn hăng hái quá đấy.

Viên quản trưởng. — Ô hay! Mình là người cầm lệnh chôn ba quân, mình không hăng hái thì ai theo.

Người vợ. — Nhân tiện, tôi cũng nói thiệt. Ông đi ròng rã ngót mười năm trời, chẳng hề ngó đến nhà, đến cửa.

Viên quản trưởng. — Phải, tôi vẫn ngó đến luôn đấy chứ.

Người vợ. — Ông có về bữa nào mà ngủ?

Viên quản trưởng. — Tôi đang đánh giặc nơi ải trấn biên cương này để phòng xa cho nhà cho nước. Thế là ngủ, chứ còn là ngủ thế nào?

Người vợ. — Thế thì tôi chịu. Nhưng... tuổi ông cao rồi!

Viên quản trưởng. — Ô hay! Thế tôi bỏ đây mà về hay sao?

Người vợ. — Cái đó tùy ông!

Viên quản trưởng. — Ô hay! Bà lần cần rồi. Tùy tôi sao được. Tôi hỏi bà, tôi bỏ đây, ai làm, ai đánh giặc?

Người vợ. — Chắc chỉ có một mình ông sao? Gớm! Ông mà quan trọng thế kia. Ông không làm đã có người khác làm, người khác đánh giặc.

Viên quản trưởng. — Người khác là người nào, là làng giềng ả? Bà nói buồn cười thật. Nhà mình cháy, lại đứng ngoài hồ hoạn: « Bà con ơi! Cháy! Cháy! ». Nội họ đấy, rồi đi chỗ khác được không?... Vả lại, ngày khải hoàn đã sắp đến nay mai rồi.

Người vợ. — Thế nhưng...

Viên quản trưởng. — Thế nhưng làm sao nữa nào?

Người vợ. — Thế nhưng, ông đi mãi hay sao? Cái mái nhà cũng không có người lợp.

Viên quản trưởng. — Bà không nghĩ xa một chút xem! Quân giặc nó đến đốt sạch, giết sạch thì lấy nhà đâu mà lợp?

Người vợ. — Thế thì ông cứ đi mãi?

Viên quản trưởng. — Bà nó ả. Phải thế! Còn giặc, tôi còn đi dẹp giặc. Năm nay tôi năm mươi tuổi chứ sáu mươi, bảy mươi tôi cũng còn đi. Bà nó còn nhớ cái đận cực nhục giặc Minh giết đứa con trai của tôi của bà chứ?...

Ồ, mà thôi, tôi đánh xong chúng nó là tôi lập tức về với bà ngay, ta lợp cái mái nhà cho chắc chắn. Phải không?

Người vợ. — Phải! Ông nói, làm tôi nhớ lại...

Viên quản trưởng. — Thế đấy! Bà ở đây ăn với tôi bữa cơm. (Quay ra phía cửa, gọi to) Các con đâu! (Có tiếng nghĩa quân đáp lại: Dạ!) Chiều nay cho ta một bữa cơm thịnh soạn vào nhé. (Lại có những tiếng « dạ » đáp rất vang).

DÊM HÔM KHÔNG NHẬN LỰA

Đời Lê.

Đêm ấy, một đêm mưa gió đầy trời. Nhà viên quan tả thị lang bộ Hình Vũ Tu, đột nhiên vào khoảng đầu canh hai thì có khách. Người khách thưa rằng nhờ lượng bao dung của quan thị lang nên đã thắng kiện, nay đem đến một súc lụa quý để tạ ơn.

Vũ Tu nghe xong, nhìn vào người khách, bảo:

— Anh nghĩ thế nào về ta mà anh mang lụa đến?

Người khách nói:

— Tập tục bây giờ đều thế cả, đã thành thói quen, vả lại lụa này chỉ là vật nhỏ mọn. Ngài dù có nhận cũng không hại gì đến đức liêm cả. Xin ngài vui vẻ nhận cho thì chúng tôi lấy làm sung sướng muôn phần ạ.

Vũ Tu nghiêm nét mặt nói:

— Người đời đục cả, chỉ mình ta trong. Ta há lại nghe lời nói ngọt của mây mà đổi tiết tháo đi ru.

Nói rồi, Vũ Tu quay vào nhà trong gọi:

— Linh hầu đâu! Đuổi cổ tên này đi cho ta.

Nhưng... người khách biến lụa lại là người của nhà vua sai đi để thử các quan. Tiếng tăm của Vũ Tu lan rộng khắp vùng và được vua ban cho hai chữ « Liêm tiết ».

Vũ Tu quả là đáng khen ngợi vậy.

CHIA NỖI NHỌC CÙNG QUÂN SĨ

Phạm Ngũ Lão có tài múa giáo, làm thơ, lập nhiều công lớn, từ một viên quan nhỏ làm nên đến chức thuộc này và hồ phù, tiếng tăm lừng lẫy. Ông dùng quân có kỷ luật, đối đãi với tướng sĩ như người nhà, cùng với quân lính chịu cam khổ như nhau.

Một lần trên đường hành quân đi dẹp giặc. Vì đường xa, núi non hiểm trở, người ngựa đã có phần mệt nhọc. Phạm Ngũ Lão đang đi, gặp một toán lính nằm rớt lại dọc đường. Phạm Ngũ Lão liền xuống ngựa hỏi:

— Đây các con, thế ta như thác lớn, có gì các con nằm lại tại đây?

Có người lính đứng dậy thưa:

— Thưa tướng quân, đường đi đã xa mà trời hanh rét. Chúng tôi chân ai nấy sưng phù hoặc bị nứt nẻ đau đớn lắm.

Phạm Ngũ Lão nhìn toán lính một lát, nói:

— Đây các con, hãy chắt lương thực, binh khí lên ngựa của ta.

— Vậy tướng quân đi bằng cách nào ạ?

— Đừng lo, ta đi bằng sức của ta. Nào, hãy chắt lên mau, đi cho kịp đại quân!

Toán linh hết sức ngạc nhiên trước vị tướng quân uy nghi lắm liệt mà biết chia nỗi nhọc cùng quân sĩ. Thế là họ reo lên, hát hò suốt dọc đường và chẳng bao lâu đi kịp cánh quân lớn phía trước.

Lại nói, lần ấy lúc xong trận, Phạm Ngũ Lão suýt bị một lưỡi kiếm của quân giặc giết chết. May thay, một người lính của Phạm Ngũ Lão nhanh như cắt nhào lên đỡ được. Lúc hỏi họ tên người lính để ban thưởng, người lính thưa:

— Dạ, thưa tướng quân. Con đã được tướng quân cho ngựa đi lúc hành quân mệt nhọc đấy ạ.

TÌNH CƯƠNG TRỰC CỦA CAO LO TƯỚNG QUÂN

Chuyện xảy ra khoảng đầu năm 178, trước công nguyên.

Tướng quân Cao Lỗ là người có công đứng ra thiết kế và xây dựng thành Ốc, một kỳ công về kỹ thuật quốc phòng và có công lớn dẹp giặc Triệu Đà giữ vững nền độc lập của nhân dân Âu-lạc. Ông có tính điềm đạm và cương trực.

Một hôm, buổi họp triều đình vừa tan thì Thục An dương vương cầm tay giữ Cao Lỗ ở lại để bàn thêm việc.

An dương vương nói:

— Đã từ lâu, quân Triệu Đà vấp phải sức mạnh của thành Ốc không dám nghĩ tới việc cướp đất của ta. Mấy năm gần đây, hai bên đi lại thuận hòa. Nay lòng trời xui khiến chẳng, Triệu Đà có con trai Trọng Thủy muốn xin cầu hôn con gái Mỵ Châu của trẫm. Ông nghĩ sao?

Cao Lỗ nghe rồi vẫn ngồi im không nói gì, cặp mắt thẳng thắn nhìn xa vời vợi.

— Trẫm đã tính rằng ta chấp thuận cốt để hòa hiếu, đó cũng là cái kế yên dân. Còn ông, ông nghĩ sao, hãy nói trẫm nghe.

Cao Lỗ nói:

— Dạ tâu vương thượng: Việc này hệ trọng lắm. Xin vương thượng cho ba ngày sau, thần sẽ có lời tâu.

An dương vương bằng lòng.

Về nhà riêng, Cao Lỗ suy nghĩ rất lung, đặt nhiều giả thiết và cuối cùng Cao Lỗ cho rằng bụng dạ quân giặc không lường hết được, Triệu Đà hẳn có âm mưu gì đen tối trong việc này. Tâm trạng Cao Lỗ căng thẳng như người đứng trước ngã ba đường phải chọn lấy một. Nếu không chấp thuận thì An dương vương sẽ không hài lòng, Cao Lỗ sẽ bị quở phạt và có thể bị bãi chức. Nếu chấp thuận thì nước non Âu-lạc sẽ gặp nguy khốn nay mai mà An dương vương chưa suy xét hết.

Mấy hôm sau vào chầu, Cao Lỗ nắm chặt đốc gươm, đứng dậy thưa:

— Tâu vương thượng! Theo thiên nghĩ của ngu thần thì việc cầu hôn không phải việc hòa hiếu. Hòa hiếu chỉ lại cho con ở gửi rể tại triều đình ta.

— Ông không vừa lòng sao?

— Tâu vương thượng! Quả là việc chẳng lành.

An dương vương giận dữ nói:

— Thôi, trẫm cho ông về nghỉ.

Lần đầu tiên Cao Lỗ bị An dương vương nói nặng lời. Cao Lỗ lặng đi hồi lâu. Trước lúc ra về, Cao Lỗ nói:

— Tâu vương thượng! Việc đúng, sai còn có vầng nhật nguyệt sáng soi.

Cao Lỗ nhận lấy cuộc sống lam lũ, làm nghề chum vại ở Hương-canh.

Và lịch sử đã ghi lại là: « Đây chính là mưu mẹo của Triệu Đà, dùng để chiếm nước Âu-lạc. Trong những năm ở gửi rể, Trọng Thủy đã dò xét tình hình Âu-lạc, học phép chế nỏ và phá nỏ của người Âu-lạc rồi trốn về nước báo cho Triệu Đà. Triệu Đà cất quân đánh chiếm nước Âu-lạc. An dương vương thua trận, phải nhảy xuống biển tự tận... »

VỪA BỪA VỪA HỌC

Bùi Xương Trạch người làng Định-công (Hà-tây). Lúc bé theo việc cày cấy, lại rất chăm học. Lúc nào cậu bé Trạch cũng mang sách ở bên mình, vừa bừa vừa học, hoặc lúc đêm tối thì bắt đom đóm đựng vào túi, vào vỏ trứng cho sáng để học. Ngày đêm dùi mài kinh sử, không biết mỏi mệt.

Có người làng thấy thế, nói:

— Này Trạch, sao cậu không bỏ phứt cái bừa xuống mà học có phải hơn không?

Bùi Xương Trạch kinh cần đáp:

— Cha mẹ tôi vốn nghèo khó, nếu tôi không chăm chỉ cày bừa mà chỉ biết mãi mê đèn sách thì lấy gì phụng dưỡng cha mẹ. Lại thêm một lẽ nữa, nếu tôi không lo việc cày bừa siêng năng, thì sao thoát khỏi cái nhục như sâu một ăn bằm, cái hại cơ hàn thiết thân làm vẩn đục thanh danh.

Khoa Mậu-tuất năm Hồng Đức thứ IX (1478), ông đi thi đậu đồng tiến sĩ. Hôm treo bảng, Bùi Xương Trạch còn đang cày ở ruộng. Dân làng ai nấy đều tặc tởm khen Trạch là người có chí.

CÁCH HỌC CỦA LÃN ÔNG

Hải Thượng Lãn Ông tên thực là Lê Hữu Trác, quê ở làng Liêu-xá, huyện Đường-bào (1). Ông không những là nhà y học, được học nổi tiếng, mà còn là một nhà thơ nhà văn xuất sắc, một nhà tư tưởng tiến bộ thấm nhuần sâu sắc tinh thần dân của nước ta vào thế kỷ 18.

Năm 16 tuổi, tài học của cậu sinh đồ Lê Hữu Trác đã nổi tiếng khắp xa gần. Một hôm chơi thuyền Hồ Tây, lão lên chùa Trấn võ thắng cảnh, ngâm thơ, các bạn đồng học cũng đi ân cần hỏi Trác:

— Trác tiên sinh, sách có nghìn pho, đời muôn việc, chúng ta muốn học mà chưa biết cách, nói cho nghe thử?

Lê Hữu Trác ngâm nghĩ giây lát rồi nghiêm nghị trả lời:

— Trước hết tôi học ở người cày ruộng, người trồng dâu, người đốn củi, người đi săn sau mới đến học ở sách.

— Nhưng học thế nào? Làm sao đọc hết được?

(1) Nay là huyện Yên-mỹ, tỉnh Hải-hưng.

— Phải! Ở đời có mấy ai đọc hết sách của thiên hạ. Còn tôi, tôi đọc sách theo cách này: Đọc sách biết nghĩa là khó, nhưng biết nghĩa không khó, tìm ra và phân biệt được lý mới khó, mà thấy rộng được ngoài lý lại càng khó hơn. Bởi vậy xem một câu, tôi phải suy ra trăm câu; thấy một việc đời, tôi phải ngẫm ra trăm việc. Có thể học mới hay.

Mọi người còn đang tấm tắc khen phải, Lê Hữu Trác lại nói:

— Kinh thư có câu « Biết không khó, làm mới khó ». Song theo ý đệ, làm nên việc mới là khó hơn cả.

THẦY THUỐC VÀ CON BỆNH

Một đêm, trăng đã điểm canh ba, trời tối như hũ nút, lại lất phất mưa dầm. Vào lúc ấy, chiếu chỉ hỏa tốc từ phủ chúa đến nhà danh y Hải Thượng Lãn Ông. Chúa Trịnh làm bệnh dân được chữa chạy. Lãn Ông nhận lệnh. Thế là các thị vệ vội cu lên cang, rồi chạy như bay.

Đang đi trên đường, bỗng nhiên gặp một người đàn bà tiều tụy, áo quần rách rưới, vừa đi vừa khóc thảm thiết. Lãn Ông bảo dừng cang và hỏi duyên cớ.

Người đàn bà nín khóc, thưa rằng chồng chị ta đang bị ốm sắp chết muốn chạy thầy chạy thuốc mà trong lưng không có lấy một đồng kẽm. Nói rồi người đàn bà lại ôm mặt khóc nghẹn.

Lãn Ông quay ra bảo các thị vệ:

— Các chủ hãy đưa ta về nhà chị này.

Thị vệ có ý nhắc:

— Bẩm cụ, chiếu của Chúa nói nội ngày mai cụ đã có trong phủ chúa rồi.

Lãn Ông vẫn rành rọt bảo từng tiếng:

— Cứ đến nhà chị này, có sao tôi chịu tội.

Trước thái độ kiên quyết của Lãn Ông, các thị vệ lại nghe thấy phải, liền đi theo nhưng trong bụng vẫn còn lo sợ.

Bốn ngày sau, Lãn Ông bốc thuốc trị bệnh xong cho gia đình nghèo khổ mới chịu lên đường vào phủ chúa. Việc đến tai chúa Trịnh. Chúa Trịnh hỏi nghĩ thế nào mà làm thế?

Hải Thượng Lãn Ông điềm nhiên đáp:

— Là thầy thuốc thì không kể con bệnh sang hèn. Tôi chọn người nguy cấp chữa trước kẻ mới lâm bệnh chữa sau. Đây là « nghĩ không thiên lệch » vậy.

Chúa Trịnh bị dồn đến chân tường đạo Khổng, hết chỗ bắt bẻ, tuy tức giận lắm nhưng đành khen là phải.

CÁI CHÍ CỦA CHÚ BÉ

Một buổi sáng tinh mơ đầu năm 1875. Đất trời còn mù mịt, là rừng ướt đầm sương đêm, mấy tiếng gà gáy ran làm vang động thôn xóm vùng Thanh — Nghệ — Tĩnh. Lúc ấy, trong động đá ẩn dưới một rú thông, Trần Tấn — người thủ lĩnh nghĩa quân đã thức dậy, ngồi trước bốn ngọn sập, đang cùng với Đặng Như Mai — người học trò tâm đắc của mình bàn cách đánh thực dân Pháp.

Một chiến sỹ nghĩa quân nai nịt gọn gàng, thưa:

— Một cậu bé xin vào gặp thủ lĩnh.

Trần Tấn ngạc nhiên hỏi lại:

— Một cậu bé muốn gặp ta?

— Dạ, thật vậy, chừ cậu bé đang đợi ở cửa rừng.

Lúc cậu bé vào, Trần Tấn đưa mắt ngắm nghĩa giấy lá, nghĩ thầm: « cái trán dô kia là thông minh nhưng bướng bỉnh lắm đây ». Trần Tấn mỉm cười, hỏi:

— Tên em là gì?

Cậu bé có cái trán bướng bỉnh và cặp mắt linh lợi, trả lời không chút ngập ngừng:

— Dạ, thưa ông, em tên là Nghĩa Quân.

— O! Sao rứa? Nấy biểu Cao Thắng chứ đã Nghĩa Quân là cái nhẽ gì?

Hết sức ngạc nhiên trước câu trả lời của cậu bé, người chiến sỹ nóng nảy hỏi thêm vào. Lúc này, Trần Tấn không giận mà lại cả cười, gật đầu liên mấy cái rồi nheo mắt nhìn vào cậu bé, hỏi:

— Vậy, em cần chi ở ta mà đến đây?

Cậu bé vẫn điềm đạm thưa:

— Em đọc sách thấy mấy chữ.

— Chữ chi? Nói cho nghe.

— Chữ rằng: « Nước mất mà không biết, là bất tri; biết mà không lo liệu, là bất trung »...

— Răng nữa? Đặng Như Mai nghe nói, cũng lấy làm ưa thích quá, hỏi vào.

Cậu bé nghiêm trang đáp:

— Dạ, từ nay em là quân của các ông.

Trần Tấn sung sướng cười vang, chạy lại ôm lấy Cao Thắng, miệng không ngớt lời khen:

« Phải lắm, phải lắm! » Rồi hào hứng đọc lên hai câu thơ:

« Làm trai có chí thì nên

Khấp trong non biển rõ tên anh hùng » (1).

Lại gọi mọi người đến quây quần chung quanh cậu bé « Nghĩa quân », chào hỏi râm ran, đối đãi như người lớn.

Lúc đó Cao Thắng mới 11 tuổi.

Về sau, năm 20 tuổi, Cao Thắng đem quân theo Phan Đình Phùng. Có tài chỉ huy lại rất tinh xảo trong cách chế súng đạn, Cao Thắng trở thành cánh tay phải của cụ Phan.

(1) Trong « Bài ca kêu gọi dân chúng khởi nghĩa » của Trần Tấn.

CAI GỐC

Mùa hè năm 1862.

Có những bước chân rậm rịch phía cửa ngoài, nhà thơ Đỗ Chiểu ngồi trong nhà đã nhận ra ngay là bước đi của người ban tri kỷ Trương Định. Người thủ lĩnh nghĩa quân này có khi phách lạc thướt, khi xung trận thì đứng cầm võ song nhưng trong cuộc sống hàng ngày lại vô cùng tình cảm.

Mới khoảng hai tuần trăng chưa gặp mặt nhau mà lòng dạ hai người đã nhớ nhung xiết kể. Nên khi biết chắc là Trương Định đến, Đỗ Chiểu vui mừng quá nên nổi bối rồi, vội xỏ guốc, quần khăn định lần ra cửa đón tiếp. Trương Định hiểu ý, liền nhảy phắt vào nhà, ôm choàng lấy hai vai Đỗ Chiểu, nói như reo:

— Xin anh, cứ yên tọa, cứ yên tọa!

Ấm trà đãi bạn tỏa hương thơm ngát khắp ngôi nhà Đỗ Chiểu.

Sau khi căn dặn người đi theo phải canh gác cẩn mật, Trương Định quay vào hỏi Đỗ Chiểu, giọng còn đượm vẻ ấm ức:

— Thánh chỉ — Trương Định kéo dài bài chữ thánh chỉ — đòi tôi giải binh về đầu Pháp, ông xử sự thế nào?

Đồ Chiểu « hừ » một tiếng và không trả lời thẳng vào câu hỏi của Trương Định, ông chỉ ra hàng dừa trước ngõ mà hỏi lại:

— Cái cây tươi tốt nhờ ở gốc hay ở ngọn, hả ông?

Trương Định đã nhắc chén trà lên lại đặt xuống:

— Lễ đời xưa nay cây cỏ tốt tươi là nhờ ở gốc. Gốc bền thì cây vững.

— Phải lắm! — Đồ Chiểu tiếp lời — Nhưng biết được cái gốc ở đâu mà theo mới gọi là cặp mắt tinh tường.

Thoáng gặp một nét trắc ẩn hiện ra trên khuôn mặt Đồ Chiểu, Trương Định hiểu ngay, nói:

— Ở đây! Cái gốc ở ngay đây! Trong thôn xóm thường dân này. Một ngày lòng dân còn thì một ngày quốc thể còn vậy đó.

Nói rồi, Trương Định cười vang. Còn Đồ Chiểu thì hào hứng đọc cho nghe bài thơ mới.

Các nghĩa quân ngồi quanh thấy hai người ý hợp tâm đầu cũng lấy làm vui thích, cười theo.

NƯỚC CHUNG ĐÃ MẤT, ĐẤT RIÊNG CÒN CÓ ĐƯỢC SAO

Vào một buổi trưa, nhà chí sĩ yêu nước nồng nàn Nguyễn Đình Chiểu đang ngồi trầm ngâm trước chén chè khan. Cảnh nước mất nhà tan, dân tình cơ khổ trước nạn ngoại xâm tràn ngập nỗi đau buồn trong lòng, ông lại mới biết tin Trương Định cùng với 25 nghĩa quân thất trận.

« Nói ra thì nước mất trào

Tấm lòng ưu thế biết bao giờ rồi ».

Nguyễn Đình Chiểu viết liền một mạch mười hai bài thơ và một bài văn tế điệu Trương Định, câu nào cũng lâm ly thống thiết:

« ... Trên trại đồn điền (1) hoa khóc chủ

Dưới vòm Bạo ngược (2) sóng kêu quan;

Mây giăng Trường Cốc đường quân vắng,

Trăng xế Gò Rùa tiếng dàu (3) tan,

Muôn dặm non sông đều xứng xứng

Nạn dân ách nước để ai toan » ?

Vừa lúc ấy, một xe song mã lộng lẫy đồ xịch trước cửa. Chủ tỉnh Bến-tre là Pông Sông, một tên thực dân

xảo quyết, vốn biết Đồ Chiểu có uy tín lớn trong nhân dân, hẳn đến để ve vãn và mua chuộc.

Biết nó mà Đồ Chiểu còn dặng hỏi:

— Pông Sông à? Pông Sông là người hay là... ai?

Tên cáo già thực dân đầu dậu, hẳn vốn vãi nói:

— Là bạn thân của ông đó.

— Không — vừa nói vừa xua tay, Đồ Chiểu đáp — Ông lầm rồi, ông khác tôi khác, không thể là bạn được.

Một lần khác, Pông Sông lại đến. Lần này Pông Sông hoan hỉ nói:

— Ông Chiểu! Chúng tôi rất quý trọng ông. Nếu ông vui lòng cùng chúng tôi làm việc, thì tất cả số ruộng đất của ông, chúng tôi sẽ bắt bọn hào lý trả lại ông và ông còn được cấp thêm, nếu ông cần.

Pông Sông tưởng rằng giữa lúc nghèo khổ Đồ Chiểu sẽ nhận. Nhưng Nguyễn Đình Chiểu im lặng không đáp.

Pông Sông gặng hỏi:

— Ông Chiểu? Ông nghĩ thế nào?

Lúc này, Nguyễn Đình Chiểu đứng phắt dậy, đôi mắt khóc thương mẹ mất đã bị mù, nhưng ông vẫn nhìn thấu gan ruột bản thủ của bọn thực dân, giọng ông đanh lại, dứt khoát từ chối:

— Tôi nghĩ: Nước chung đã mất, đất riêng còn có được sao?

Thế rồi Đồ Chiểu lặng đi, không nói thêm một câu nào nữa cho đến khi tên thực dân tiu ngiủ cáo về.

(1) Đồn điền: chỉ nơi đồn điền của Trương Định, khi Nguyễn Tri Phương vào Nam, thực hiện chủ trương khẩn hoang, lập đồn điền.

(2) Vàm Bạo ngược: cửa sông Bạo ngược (do tiếng Khơ-me péam chuyển sang tiếng Việt Nam thành Vàm).

(3) Đầu: do chữ đầu đầu một dụng cụ của quân đội thời xưa làm bằng đồng, ngày dùng thời cơm, đêm dùng để gõ mà báo hiệu trống canh trong khi đi tuần.

BÀ MẸ TRẦN CHÍ THIỆN

Một buổi trưa Trần Chí Thiện đi học về hỏi mẹ:

— Mẹ ơi! Tại sao mẹ lại đặt tên con là Chí Thiện?

Nghe câu hỏi vừa ngộ nghĩnh, vừa nghiêm trang của con mình, bà mẹ mỉm cười sung sướng. Bà dừng tay đặt vải, giọng dịu dàng, trả lời:

— Lúc thấy con đặt tên chỉ bảo rằng sống ở đời phải để cái đức cho đời.

— Thế là thế nào hả mẹ?

— Lớn lên con sẽ biết.

— Thế đặt tên con là Thực, là Thùng có được không?

Bà mẹ cười vang, làm cậu bé Chí Thiện lúng túng. Bà nói:

— Cũng có tên Thực, tên Thùng nhưng không phải tên con. Thôi, đừng hỏi nữa! Mẹ đang rối lên vì một đường sợi lẩn đây.

Đến buổi tối, Thiện đã nằm khoanh trong vòng tay ấm áp của mẹ, lại hỏi:

— Mẹ ơi! tên Thực, tên Thùng xấu lắm hả mẹ?

Bà mẹ phì cười, ôm xiết Thiện vào lòng, bảo:

— Không! Tên Thực hay tên Thùng, hay tên Thiện chỉ dễ gọi mà thôi, chứ cái tên có tội gì mà xấu. Xấu là khi người ta làm việc xấu. Thôi ngủ đi! Thầy con đã bảo sống phải biết đề cái đức cho đời. Con cứ nhớ thế.

Cậu bé Thiện vẫn loay hoay suy nghĩ về cái tên: « Ừ, dù có tên là Loan, là Phượng mà ăn vụng thì xấu lắm. Eo ơi! ăn vụng thì người ta cười chết mất ». Rồi Thiện ngủ thiếp đi trong vòng tay ấm áp của bà mẹ.

Chẳng bao lâu, thời gian vụt đã trôi qua hơn hai chục năm trời, câu chuyện cũ kia lại hiện lên trong mái đầu bạc phơ của bà mẹ Trần Chi Thiện. Bà đứng im giữa bà con hàng xóm đến chia buồn với bà về tin Trần Chi Thiện vừa tử trận (9-12-1873).

Bà còn nhớ lại! Phải, lúc sáng nay khi tiếng súng thực dân Pháp bắn vào thành Nam Định cũng là khi Trần Chi Thiện xin bà ra trận giết giặc. « Có phải thầy nó đã xui khiến nó không? Lúc ấy bà nhìn con bà nuy nghiêm và cứng cáp lạ thường ». Bà nghĩ vậy!

Có người con gái đến nói với bà:

— Thưa bà, chính mắt con nhìn thấy chú con (tức Trần Chi Thiện) một tay dao chạy phăng phăng xông vào đám giặc. Tên thực dân Pháp đầu tiên chú con gặp, nó cao lớn lắm, vậy mà chết rẫy đánh đạch. Tên thực dân thứ hai chồm tới, lưỡi dao bầu của chú con cũng vừa giờ cao, thế là nó không kịp trăng trở điều gì. Tên thực dân thứ ba thì ngã lộn nhào xuống bờ sông Vị-xuyên kia! Và... rồi thì... bà ơi! bà ơi! Một tiếng sùng...

Bà mẹ Trần Chi Thiện ngăn lại:

— Bà biết cả rồi!

Bà quay ra với tất cả bà con, mái tóc bạc rung rung, khuôn mặt bà đanh lại như mỗi khi bà nói đến một việc vô cùng hệ trọng. Bà nói:

— Thưa bà con, cô bác nội ngoại! Người xưa đã nói: « giặc đến nhà đàn bà cũng đánh ». Nay cháu nó... biết trung là biết hiếu. Đó chính là cái đức lớn của nhà ta.

Đứng trước cảnh này, có nhà nho Vũ Tự, bạn học thuở thiếu thời của Trần Chi Thiện. Vũ Tự vô cùng xúc động. Ngay đêm ấy, Vũ Tự chong đèn suốt sáng, viết bài thơ ca ngợi Trần Chi Thiện. Bài thơ toát lên một khí thế lắm liệt oai hùng của người con trai thôn Bảo-long chống giặc, vừa nói lên bà mẹ Việt-nam trong thôn xóm cũng anh hùng; lúc được tin con mình tử trận. Vũ Tự viết:

« Mẹ già miệng cười, nói: « Được! Được!
Con ta biết trung là hiếu rồi. »
Người bên khôn ngăn được nước mắt,
Ôm lấy bà đầu bạc bảy mươi » (1)

(1) Thơ dịch của Chu Thiệu.

NGƯỜI NAM ĐÁNH TÂY

Bảy giờ vào cuối tháng mười năm 1868. Hôm ấy, trời mưa tầm tã. Một đội lính thủy Pháp giải Nguyễn Trung Trục đến pháp trường.

Nguyễn Trung Trục tên chính là Nguyễn Văn Lịch, quê ở Tân-an (Gia định) người chỉ huy nghĩa quân dùng giáo, mác và củi kéo đốt cháy chiến hạm « Hy vọng » của thực dân Pháp thành tro và san bằng đồn Rạch-già. Lúc thất thế, Nguyễn Trung Trục bị bắt.

Sau nhiều lần mua chuộc và dụ dỗ, Trục vẫn một lòng một dạ theo nghĩa quân, không đầu hàng giặc. Chúng đem Trục ra xử bắn.

Đến pháp trường, Trục vẫn ung dung, sắc mặt lạnh lùng, không hề để mắt tới hàng lính chĩa súng vào mình.

Một viên cố đạo làm tay sai của giặc Pháp đến ve vãn Trục:

— Ông còn trẻ lại có tài, chết đi, tôi cũng lấy làm tiếc lắm!

Trục không thêm đáp lại nửa lời. Khi viên cố đạo khuyên nhủ Trục viết thư gọi bạn chiến đấu ra hàng, mắt Trục nẩy lửa:

— Đừng có nói càn. Mặc áo tu hành mà thốt ra những lời vô ân bạc nghĩa thì có khác chi loài cầm thú.

Biết không lay chuyển được Trục, viên cố đạo đưa mắt ra lệnh. Bọn lính giương súng đều một loạt. Trục nổi giận, bảo chúng:

— Hãy khoan! Không được bắn vội.

Trục thông thả gỡ mở tóc trên đầu xuống búi lại gọn ghẽ rồi mới bảo viên cố đạo:

— Bảo cho mi biết: « Bao giờ bọn Tây nhổ hết cỏ nước Nam mới hết người Nam đánh Tây ». Hãy nhìn xem!

Theo tay Trục chỉ, ngoài xa một màu xanh rì, cỏ mọc đều, mượt như một tấm thảm.

VẮNG VẠC NHƯ TRĂNG RẼM

Đó là tấm lòng trước sau như một thương nước thương nhà của người thủ lĩnh « Đại nghĩa đoàn » Nguyễn Cao.

Sau những lần dấy quân chống thực dân Pháp không thành mà chí vẫn không nản. Nhưng rồi, trong một trận đánh ở Giả-lâm (18-5-1883) ông Cao bị thương nặng đành về ẩn náu ở Kim-giang (1). Khi ấy, chẳng may ông bị giặc bắt, bỏ ngục.

Trong những ngày bị giam giữ, giặc ra sức dụ dỗ mua chuộc, ông vẫn khẳng khái không hàng giặc. Chính ở trong ngục thất này, ông Cao đã viết bài *Tự phận ca*— (Bài ca « Biết phận ») một thiên tuyệt bút nổi tiếng:

...« *Hỡi ơi trẻ tảo, sinh ta làm chi?
Sống mà bị chìm đắm trong vùng dè chó
Thà chết đi cùng trời đất đi về!
Sống mà làm vật thừa thịt bấu cồi nhân thế
Thà chết đi mà làm cảnh quỳnh hoa ngọc nơi
nước đẹp non kỳ!
Nhị biếc vẫn đỏ, Nùng xanh còn kia,*

(1) Thuộc Ứng-hòa, Hà-tây.

*Một tấc đất sạch, nắm mồ lê xè.
Dằng dặc thay, lồng lộng thay!
Nào gươm núi Sóc, nào thơ trên trời, nào cọc
sông Đàng!*

*Khí thiêng lên xuống trên chín lằng mây,
Hãy hóa làm gió mưa sấm sét,
Rũ hoi tanh cho dòng nước trôi đi...»*

....

Tấm lòng của ông là thế.

Một buổi chiều cuối tháng 3 năm Đinh-hợi (1887) cửa ngục Hỏa-lò nặng nề mở. Một tên thực dân đội lốt thầy tu bước vào. Lại như mấy lần trước, nom thấy ông Cao, hắn làm ra bộ thương cảm xót xa và sai lính cởi xiềng.

— Ông Cao! — tên thực dân nói — đạo làm người cũng có nhiều đường.

Nghe lời lẽ của nó mà sôi máu, ông Cao hỏi chặn ngay:

Có một đường đường thầy phạm bạn chứ gì?

Tên thực dân toát mồ hôi, nhưng hắn trấn tĩnh:

— Ay chết, ông nói mà không nghĩ, tôi e sau này hối không kịp.

— Tao không có gì phải hối cả. — Ông Cao dẫn từng tiếng — Thôi, cút đi! Chúng mày cút đi thì xong tất.

Vẫn làm bộ từ bi, tên thực dân làm dấu thánh giá, hắn cố nài ông:

— Ông có biết Nguyễn Thiện Thuật, Ngô Quang Huy, Tạ Hiền chiến hữu của ông bây giờ ở đâu không?

Ông Cao đứng phắt dậy, mắt nẩy lửa, vừa lấy móng tay nhọn sắc rạch chéo bụng mình, vừa thét:

— Đây! Chiến hữu của tao đây!

Giữa ngục tối, một dòng máu vọt ra như một tia lửa đỏ chói.

BUỔI SÁNG MÙA XUÂN TRÊN BẾN NGỰ

Mùa xuân lại đến với thành Huế, với sông Hương, núi Ngự sau một mùa đông giá rét ghê người. Mặt trời tỏa chiếu những tia nắng ấm áp, gió từng làn thổi đến làm cánh rừng thông reo thành tiếng trong không gian tươi đẹp như tranh.

Hôm ấy, trên đường phố đi về phía cầu Tràng Tiền (Huế) chật cứng những người là người. Đó là đám thanh niên và học sinh các trường trung học và cao đẳng Huế đi du xuân đang vây quanh một ông già có cặp mắt sáng dưới vầng trán rộng và chòm râu quai nón. Cụ Phan Bội Châu đó! Một con người có tấm lòng yêu nước thương dân nồng thắm, căm thù giặc Pháp đến quên ăn quên ngủ, có quyết tâm lớn « hãy phân thây xong lũ giặc nước rồi mới ăn sáng »

Rẽ đám đông, một thanh niên mặc chiếc áo sơ-mi trắng đến gần cụ, kính cẩn hỏi:

— Thưa cụ, trong thời buổi này, cụ cho biết chúng cháu phải làm gì?

Cặp mắt cụ thoáng nhìn vào anh thanh niên rồi nhìn khắp lượt những khuôn mặt tươi trẻ, cụ Phan xúc động, nói:

— Làm gì à? Hãy làm từ nhỏ, các cháu nghe chưa. Những việc ấy là: đừng ham chơi, ham mặc, ham ăn.

Một thanh niên áo nâu len vào nắm lấy tay cụ mà thưa:

— Bầm cụ, xin cụ chỉ bảo cho, còn việc lớn thì sao?

Cụ Phan chăm chăm nhìn vào cặp mắt ngỗ ngược của anh thanh niên hồi lâu. Mọi người nín lặng chờ. Một lát sau, đột nhiên cụ Phan hào hứng đọc to câu lục bát:

*« Đạp toang hai cánh càn khôn
Đem xuân về lại trong non nước nhà ».*

Rồi cụ nói tiếp:

— Đây, việc lớn là thế đấy.

Được lời cụ, đám thanh niên sôi nổi reo lên và họ đi theo cụ một quãng đường khá xa.

Lần trong đám thanh niên còn có một bọn mật thám, chó săn cho giặc Pháp. Mặc dầu chúng biết rằng « hai cánh càn khôn » mà cụ Phan nói kia là hai thế lực: một là bọn thực dân Pháp xâm lược, còn một là bọn vua quan nhà Nguyễn bán nước, hại dân, nhưng chúng chẳng thể bắt bẻ cụ Phan vào đâu được, đành đứng ngẩn tò te.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong lịch sử lâu đời của dân tộc ta biết bao truyền thống tốt đẹp đã hình thành, được giữ gìn và nâng cao từ đời này qua đời khác, trở thành một tình cảm sâu sắc, một lẽ sống, cầu toàn thể nhân dân, một niềm tự hào cao quý ở mỗi người. Nó thể hiện trong lao động thì cần cù, trong chiến đấu thì dũng cảm, trong lĩnh nghĩa thì thủy chung, trước quân thù thì bất khuất.

Ngày nay trong việc đào tạo bồi dưỡng con người mới, Đảng ta luôn luôn nhấn mạnh con người mới đó vừa là kết tinh những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc và phải có đầy đủ đạo đức, phẩm chất cách mạng của giai cấp công nhân, đồng thời có trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật cao để cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

Để giúp các bạn trẻ hiểu được những sự tích anh hùng, những phẩm chất tốt đẹp của ông cha ta, chúng tôi in và phát hành bộ sách lấy tên là « Chuyện hay sử cũ ».

« Chuyện hay sử cũ », gồm những mẫu chuyện lịch sử, thể hiện tư tưởng yêu nước, thương nòi,

tinh thần đấu tranh dũng cảm, bất khuất và phẩm chất đạo đức của cha ông ta.

Xin giới thiệu với bạn đọc và các đồng chí đoàn viên, thanh niên cuốn « Chuyện hay sử cũ », Mong các bạn đọc giả tìm đọc và góp ý kiến cho Nhà xuất bản.

NHÀ XUẤT BẢN
THANH NIÊN

MỤC LỤC

Trang

1. Cả nhà đánh giặc	7
2. Bà Trưng	9
3. Bài học đánh giặc của Tiền Ngô Vương	11
4. Ta muốn cưới con gái mạnh	14
5. Tài bắn nỏ của Bà Triệu	16
6. Thế nào mới là đủ	19
7. Quốc công tể tướng cho Thượng Tướng	21
8. Nếu đánh giặc, thì tôi còn đủ sức	23
9. Giáo đâm không biết đau	25
10. Một chàng trai thố kỹ 13	27
11. Tiếng quát của Trần Bình Trọng	29
12. Hào kiệt không bao giờ thiếu	31
13. Người con đại hiếu	33
14. Tài đánh giặc của bà hàng nước	35
15. Còn giặc, tôi còn đi dẹp giặc	37
16. Đêm hôm không nhận lựa	40
17. Chia nỗi nhọc cùng quân sĩ	41
18. Tinh cương trực của Cao Lỗ tướng quân	43

19. Vừa bừa vừa học	45
20. Cách học của Lân Ông	47
21. Thầy thuốc và con bệnh	49
22. Cái chí của chú bé	51
23. Cái gốc	53
14. Nước chung đã mất, đất riêng còn có được sao	55
25. Bà mẹ Trần Chí Thiện	57
26. Người Nam đánh Tây	60
27. Văng vặc như trăng rằm	62
28. Buổi sáng mùa xuân trên bến Ngự	64
29. Lời Nhà xuất bản	66

thuongmaitruongxua.vn

CHUYỆN HAY SỬ CŨ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Biên tập : TRỊNH CHI

Sửa bản in : NGUYỆT LỆ

Trình bày bìa : ĐẶNG THẾ MINH

In 30.160 cuốn tại Nhà In Tiền Phong (T.Ư Đoàn TNLD
Hồ Chí Minh), Khổ 13×19. Số in 23. Số xuất bản 13/XHFN.
Xong ngày 25-3-1973. Nộp lưu chiểu tháng 4-1973.